

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-PT**
Ngày: 06/02/2023
V/v: “*Ly hôn, Chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thanh

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Trâm

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 01,06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Ly hôn, Chia tài sản chung*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 06 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11/2022/QĐ-PT ngày 24/11/2022, Thông báo dời ngày xét xử vụ án số 05/TB-HNGĐ ngày 13/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2023/QĐ-PT ngày 10/01/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1965

Trú tại: 2334 Đại lộ Hùng V, tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H.

Chỗ ở hiện nay: Số 2 Nguyễn Thị Minh K1, phường Lộc T6, thành phố N3, tỉnh Khánh H. (Có mặt)

* Bị đơn: (có yêu cầu phản tố): Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1962

Trú tại: 2334 Đại lộ Hùng V, tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Có mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: (có yêu cầu độc lập):

Anh Nguyễn Ngọc D1 - Sinh năm: 1985

Trú tại: 2334 Đại lộ Hùng V, tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Có mặt)

* Người làm chứng:

1/ Ông Phạm Văn N, bà Lê Thị Bích N1

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Khánh Cam 1, phường Ba N2, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1963

Địa chỉ: 2647 Đại lộ Hùng V, tổ dân phố Khánh Cam 2, phường Ba N2, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

3/ Ông Lê Ngọc T2, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố Tây S, phường Ba N2, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

4/ Bà Trương Thị K

Địa chỉ: 121 Nguyễn Công T7, tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

5/ Bà Phan Thị Mỹ N3, sinh năm: 1964

Địa chỉ: 4194 Hòa H1, xã Bảo H, H. Xuân L1, tỉnh Đồng N4. (Vắng mặt)

6/ Ông Nguyễn Thành M, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn Tân Sinh T8, xã Cam Thành B1, huyện Cam L3, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

7/ Ông Phạm Văn T3, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn Thủy B, xã Cam An B1, huyện Cam L3, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

8/ Anh Lê Mạnh C, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố Lợi H3, phường Cam Lợi, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

9/ Ông Nguyễn Ngọc C1, sinh năm: 1960

Địa chỉ: 50 đường số A4, VCN, phường Phước L4, thành phố N3, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

10/ Ông Nguyễn Bá T4, sinh năm: 1947

Địa chỉ: 138 A đường Tiền G, tổ dân phố Lợi P1, phường Cam L2, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

11/ Bà Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm: 1973

Địa chỉ: 525/15/3 Lê Trọng T8, phường Sơn K1, quận Tân P, thành phố Hồ Chí M. (Vắng mặt)

* Người kháng cáo: Bị đơn (có yêu cầu phản tố): Bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cam R, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Ba N2, huyện Cam R (*nay là thành phố Cam R*) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01 ngày 15/01/1985. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống, thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau, không tin tưởng nhau, không quan tâm lẫn nhau, không có trách nhiệm với nhau. Từ năm 2000 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên ông bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Do ông Nguyễn Văn T bị bệnh mất ngủ nhưng bà Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Ngọc D1 đối xử tệ bạc, chửi bới, đe

dọa, đánh đập ông T, sự việc xảy ra nhiều lần, có sự can thiệp của Công an phường Ba N2, ông T sợ nguy hiểm đến tính mạng nên đã bỏ nhà ra đi. Do vậy, ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “*Ly hôn*” với bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1985, con chung đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 49,5m² được xây dựng trên lô đất diện tích 187,1m² thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, được Ủy ban nhân dân thành phố Cam R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA.572955, sổ vào sổ cấp GCN: CH00188 ngày 06/6/2011 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D. Ngoài tài sản trên ông T xác định vợ chồng còn có một số tài sản khác như bàn ghế, tivi, tủ lạnh nhưng ông T không yêu cầu giải quyết những tài sản này.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản trên cho ông và bà D cụ thể giao cho bà D được quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất nói trên, bà D phải thanh toán lại cho ông ½ trị giá nhà đất, công trình có trên đất. Ông chấp nhận giá theo biên bản định giá ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R và không yêu cầu định giá lại tài sản. Ông cũng không yêu cầu xem xét công sức đóng góp nhiều hơn.

Ông T không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu chia 03 phần bằng nhau cho ông T, bà D, anh D1 số tiền ông gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - chi nhánh Cam R; Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R. Bởi vì, số tiền tiết kiệm gửi ở các Ngân hàng có được là do ông làm ăn, buôn bán riêng tích lũy, khi vàng giá rẻ ông T đi mua sau đó giá cao ông T đưa đi bán hưởng chênh lệch. Quá trình chung sống giữa ông T và bà D từ năm 2000 đến nay mỗi người đều làm ăn riêng, ông T buôn bán cây cối, vật dụng nông nghiệp còn bà D buôn bán cháo vịt.

Năm 2012, ông T gửi 700.000.000đ vào Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R, do tiền lãi ở Ngân hàng này thấp nên năm 2013 ông T rút ra hết cả gốc và lãi được 773.500.000đ, ông T thêm vào cho đủ thành số tiền 800.000.000đ để gửi vào Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R, đến ngày 26/10/2015, ông T tắt toán tiền gửi tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R được 966.795.000đ, ông T thêm vào cho đủ thành 1.000.000.000đ để gửi vào Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R với lãi suất cao hơn. Qua nhiều lần đáo hạn thì đến ngày 27/7/2020 ông T đã rút hết toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm là 1.000.000.000đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R.

Ngày 31/11/2018, ông T vay 800.000.000đ của ông Nguyễn Bá T4 về để làm ăn nhưng khi vay về thấy tình trạng gia đình bất hoà, không ổn nên ông T đã không đầu tư cho việc làm ăn mà đưa số tiền này gửi vào Ngân hàng thương mại

cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R từ ngày 11/02/2019 đến ngày 11/02/2020 thì ông T đã tắt toán khoản tiền này. Đến tháng 3 năm 2021 âm lịch (*không nhớ ngày*) ông T đã trả cho ông Nguyễn Bá T4 số tiền 800.000.000đ đã vay.

Số tiền lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R ông T rút ra để chi phí cho việc làm ăn, sinh hoạt của bản thân và gia đình từ năm 2015 đến ngày 27/7/2020. Ngày 27/7/2020, ông T rút số tiền gửi 1.000.000.000đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R, ông T đã dùng số tiền này chi phí cho việc thuê nhà trọ, thuê căn hộ, tiền điện, nước và chi phí cho việc khám, chữa bệnh, ăn uống, sinh hoạt hàng ngày từ ngày 23 tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Trong trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu của bà D, anh D1 thì ông T yêu cầu trừ các chi phí khám, chữa bệnh, ăn uống, sửa chữa, mua sắm theo các hoá đơn chứng từ, hợp đồng thuê nhà, tiền điện, nước, số tiền ông T đã trả nợ cho ông Nguyễn Bá T4 800.000.000đ. Các hóa đơn, chứng từ này ông T đã nộp cho Toà án trong quá trình giải quyết vụ án. Chi phí tiền ăn ông T yêu cầu trừ cho ông Thông mỗi ngày 200.000đ kể từ ngày 23/9/2020 đến ngày xét xử, chi phí điện nước ông yêu cầu trừ mỗi tháng 1.000.000đ kể từ ngày 23/9/2020 đến ngày xét xử. Lý do yêu cầu, ông T có nhà mà phải đi thuê nhà ở ngoài do bà D và anh D1 gây sự chửi bới, dọa đánh đập ông T nhiều lần, ông T đã nhờ Công an phường Ba N2 đến giải quyết nhưng không có kết quả, để bảo toàn tính mạng ông T phải dọn đi ra ngoài để thuê nhà sinh sống cho đến nay.

Ông T không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Ngọc D1 về việc yêu cầu được nhận 01 phần giá trị nhà và đất nêu trên. Bởi vì, nhà và đất trên là của ông T và bà D. Ông T không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc D1 về việc yêu cầu chia một phần tiền ông T gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R, Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R vì công việc làm ăn là của riêng ông T, anh D1 không tham gia làm ăn và góp vốn vào công việc buôn bán của ông T.

Ông T cũng không đồng ý với lời khai của những người làm chứng do bà D và anh D1 cung cấp vì theo ông T thì chỉ những người sống xung quanh nhà ông T mới biết được sự việc gia đình ông T có mâu thuẫn.

Về nợ chung: Ông T và bà D không nợ ai.

Bà Nguyễn Thị D đồng ý và thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn T về hôn nhân, con chung nhưng về tài sản chung thì bà D có ý kiến và yêu cầu phản tố như sau:

Bà D và ông T có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 49,5m² được xây dựng trên lô đất diện tích 187,1m² thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, được Ủy ban nhân dân thành phố Cam R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA.572955, sổ vào sổ cấp GCN: CH00188 ngày 06/6/2011 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D.

Ngày 20/3/2021, bà D yêu cầu chia tài sản này thành 05 phần: Bà D và ông T mỗi người nhận 2/5 tài sản, 1/5 khối tài sản giao cho anh Nguyễn Ngọc D1 (*con chung của ông T và bà D*) vì có công sức đóng góp, duy trì khối tài sản chung của vợ chồng. Ngày 01/12/2021, bà D yêu cầu bà D và ông T mỗi người được sở hữu 1/3 nhà và đất; giao cho anh Nguyễn Ngọc D1 sở hữu 1/3 nhà và đất. Bà D yêu cầu được nhận hiện vật, bà D và anh D1 sẽ thanh toán lại 1/3 giá trị cho ông T.

Tại phiên toà sơ thẩm bà D yêu cầu Toà án tiến hành định giá lại tài sản theo giá Nhà nước. Bởi vì, theo bà D giá tài sản nhà và đất do Toà án cung cấp cho bà D là cao. Trong trường hợp Toà án không chấp nhận yêu cầu trên của bà D thì bà D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc giao nhà và đất cho bà D sở hữu nhưng bà D không đồng ý hoàn lại 1/2 giá trị cho ông T mà bà D yêu cầu chỉ hoàn lại 1/3 phần giá trị vì nhà và đất này có công sức đóng góp của con chung là Nguyễn Ngọc D1 nên tài sản này phải được chia đều cho 03 người, với 03 phần bằng nhau. Con Nguyễn Ngọc D1 có đóng góp công sức, tiền bạc trong việc làm tăng giá trị nhà và đất. Nhà và đất của bà D trước đây thấp nhưng cả gia đình bà D đã đắp nền cao bằng mặt đường như hiện nay, ngoài ra còn làm thêm mái che phía sau nhà, số tiền bà D, ông T, anh D1 bỏ ra bao nhiêu để chi phí cho việc đắp đất tôn tạo nền, xây dựng và ngày công bỏ ra là bao nhiêu ngày bà không nhớ.

Tại Đơn phản tố ngày 09 tháng 5 năm 2021, bà D yêu cầu Tòa án chia số tiền 4.000.000.000đ ông T gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R thành 05 phần, bà nhận 2/5 số tiền 1.600.000.000đ, chia cho anh Nguyễn Ngọc D1 nhận 1/5 số tiền 800.000.000đ.

Tại Đơn yêu cầu phản tố bổ sung ngày 08/12/2021, bà D yêu cầu chia số tiền ông Nguyễn Văn T gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R và Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R cho ông T, bà D và anh D1 mỗi người được sở hữu 1/3 trên tổng số tiền 1.666.975.000, tương đương mỗi người được hưởng 555.000.000đ. Ông T phải thanh toán cho bà D và anh D1 1.111.000.000đ.

Đối với số tiền ông Nguyễn Văn T gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R, Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R bà D không đồng ý với kết quả thu thập của Toà án. Bà D yêu cầu Toà án thu thập tiền ông T gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R từ năm 2012 đến ngày xét xử. Thu thập tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2013 đến ngày xét xử. Thu thập tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2015 đến ngày xét xử. Trong trường hợp Toà án không chấp nhận đề nghị thu thập chứng cứ của bà D thì bà D yêu cầu chia số tiền tại 03 Ngân hàng trên theo tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R 700.000.000đ và tiền lãi phát sinh, Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R 900.000.000đ và tiền lãi phát sinh, Ngân

hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R 1.800.000.000đ và tiền lãi phát sinh thành 03 phần bằng nhau, bà D nhận 01 phần, ông T 01 phần, anh D1 01 phần vì số tiền ông T gửi tại các Ngân hàng trên là số tiền mà bà D, ông T và con trai anh Nguyễn Ngọc D1 làm ăn tích góp được do ông T nắm giữ, ông T gửi vào, rút ra thời gian nào bà D không được biết.

Bà D không đồng ý với việc ông T yêu cầu trừ các chi phí cho việc thuê nhà trọ, thuê căn hộ, điện nước và chi phí cho việc khám, chữa bệnh, ăn uống, sửa chữa sinh hoạt hàng ngày, tiền trả nợ 800.000.000đ cho ông Nguyễn Bá T4 mà ông T yêu cầu Tòa án xem xét.

Bà D cũng không đồng ý với kết quả của Toà án đã thu thập được đối với căn hộ mà ông T đang ở. Bà đề nghị Toà án tiếp tục xác minh thu thập căn hộ 0904 dãy B mà ông T đang ở tại toà nhà Panorama có phải ông T là chủ sở hữu hay không. Trong trường hợp ông T là chủ sở hữu căn hộ thì ông T phải chia cho bà D và anh D1 mỗi người một phần bằng nhau.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 22/3/2021; đơn yêu cầu bổ sung ngày 09/5/2021; Đơn yêu cầu độc lập bổ sung ngày 08/12/202, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc D1 trình bày:

Anh là con ruột duy nhất của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D. Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 35 diện tích 187,1m² tọa lạc tại tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R và căn nhà cấp 4 có trên đất diện tích 49,5m² là của cha mẹ anh ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D.

Trong quá trình sinh sống cha mẹ anh có xây dựng nhà vệ sinh, nhà tắm và 03 lần đổ đất để nâng nền trước và sau nhà. Bản thân anh là người trực tiếp bỏ tiền, công sức và đứng ra điều hành, lao động để cải tạo nên nhà, đất như hiện trạng hôm nay. Việc đổ đất, nâng nền 03 lần, ở vị trí phía trước và phía sau nhà thì anh không nhớ rõ cụ thể về thời gian và số ngày thi công. Tiền công đổ đất, nâng nền, làm mái che do anh trả, anh là người thuê chủ thầu anh Trung, anh Trung có gọi thêm 4 người để cùng làm, anh là người trả tiền công cho anh Trung để anh Trung trả lại tiền công cho những người thợ khác, trả bao nhiêu một ngày thì anh cũng không nhớ rõ. Việc làm mái che anh cũng không nhớ rõ bao nhiêu ngày, tiền công trả bao nhiêu anh cũng không nhớ rõ. Đối với việc đổ đất đắp nền anh thuê ông Nhân đổ đất 03 lần nhưng không nhớ thời gian cụ thể, anh chỉ biết là nhiều khối đất, còn cụ thể bao nhiêu khối anh không nhớ, trả cho ông Nhân bao nhiêu tiền anh không nhớ. Ngoài lời khai của những người làm chứng anh không có chứng cứ nào khác về việc đổ đất, nâng nền, làm mái che. Anh khẳng định toàn bộ tiền thuê đổ đất, nâng nền, làm mái che là toàn bộ tiền của anh bỏ ra.

Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2021, anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia 1/5 khối tài sản chung của cha mẹ anh là nhà và đất, công trình có trên đất đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 35 diện tích 187,1m² tọa lạc tại tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R. Tại phiên toà anh yêu cầu chia tài sản trên làm 03 phần bằng nhau cho anh, ông T, bà D mỗi người một phần. Anh và bà D sẽ hoàn lại cho ông T 1/3 giá trị.

Đối với số tiền ông T gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R, Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R là tài sản chung của ông T, bà D và anh đóng góp vì anh được cha mẹ nuôi ăn học đến lớp 10 thì nghỉ học, từ đó đến nay anh ở nhà phụ cha mẹ buôn bán, kinh doanh tạo ra lợi nhuận nuôi sống cho bản thân và gia đình góp phần duy trì sự tồn tại, tích lũy khối tài sản chung của cha mẹ anh lâu nay. Việc mua bán hàng hóa hàng ngày do ông T đứng ra thu tiền, giao dịch còn anh là người thực hiện việc vận chuyển, bốc xếp, anh đã cung cấp các nhân chứng để Tòa án làm rõ. Anh là thành viên của gia đình, anh có tham gia làm ăn buôn bán cùng ông T, bà D gần 20 năm nay, trong quá trình làm ăn, buôn bán vốn do ông T, bà D bỏ ra để cả nhà cùng làm ăn chung.

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2021, anh yêu cầu được nhận 1/5 số tiền 4.000.000.000đ mà ông T gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R là 800.000.000đ.

Tại đơn yêu cầu độc lập bổ sung ngày 08/12/2021, anh yêu cầu chia số tiền ông Nguyễn Văn T gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R, Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R cho anh, ông T, bà D mỗi người được sở hữu 1/3 trên tổng số tiền 1.666.975.000đ, tương đương mỗi người được hưởng 555.000.000đ. Ông T phải thanh toán cho anh và bà D 1.111.000.000đ.

Tại biên bản phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/4/2022, anh yêu cầu chia số tiền tại 03 ngân hàng trên thành 03 phần bằng nhau, anh 01 phần, ông T 01 phần, bà D 01 phần.

Tại phiên toà anh không đồng ý với kết quả thu thập tài liệu của Toà án, anh yêu cầu Toà án thu thập số tiền ông T gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R từ năm 2012 đến ngày xét xử. Thu thập tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2013 đến ngày xét xử. Thu thập tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2015 đến ngày xét xử. Trong trường hợp Toà án không chấp nhận đề nghị thu thập chứng cứ của anh thì anh yêu cầu chia cho anh một phần số tiền tại 03 Ngân hàng nêu trên theo tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R 700.000.000đ và tiền lãi phát sinh, Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R 900.000.000đ và tiền lãi phát sinh, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R 1.800.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

Anh cũng không đồng ý với kết quả Toà án đã thu thập được đối với căn hộ ông T đang ở. Anh đề nghị Toà án tiếp tục xác minh thu thập căn hộ 0904 dãy B ông T đang ở tại toà nhà Panorama có phải ông T là chủ sở hữu hay không. Trong trường hợp ông T là chủ sở hữu căn hộ thì ông phải chia cho bà D và anh mỗi người một phần bằng nhau.

Tại Bản án số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 06 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R, tỉnh Khánh Hòa:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 20 Điều 3, Điều 32, Điều 33, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D được ly hôn

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Ngọc D1 đã trưởng thành ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản chung:

[3.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T:

Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 35, diện tích 187,1 m², tọa lạc tại tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, được Ủy ban nhân dân thành phố Cam R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 572955, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00188, ngày 06/6/2011 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D. Trên đất có nhà ở cấp 4, có gác lửng, nền lát gạch hoa + xi măng, mái tôn, trần nhựa, cửa sắt + gỗ, sảnh trước bê tông cốt thép và nhà vệ sinh có hầm tự hoại hoàn chỉnh; Mái che phía trước khung + kèo + xà gỗ gỗ, mái tôn, nền xi măng; Mái che phía sau mái tôn, khung trụ, xà gỗ, sắt, nền xi măng; tường phía sau móng đá chẻ.

Bà Nguyễn Thị D phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 3.531.742.000đ (*Ba tỷ năm trăm ba mươi một triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với thửa đất được giao theo quy định của pháp luật.

[3.2] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu ông T chia số tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín - phòng giao dịch Cam R. Ông Nguyễn Văn T phải hoàn lại cho bà D 379.126.000đ (*Ba trăm bảy mươi chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

[3.3] Bà D hoàn lại giá trị nhà đất và công trình có trên đất cho ông T là 3.531.742.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm ba mươi một triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng*). Ông T phải hoàn lại số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín - phòng giao dịch Cam R cho bà D là 379.126.000đ (*Ba trăm bảy mươi chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng*). Sau khi trừ phân chênh lệch, bà D phải hoàn lại cho ông T số tiền là:

3.531.742.000 đồng - 379.126.000 đồng = 3.152.616.000 (*Ba tỷ một trăm năm mươi hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng*).

[3.4] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D về việc: Yêu cầu ông Nguyễn Văn T chia 01 phần số tiền ông T gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cam R - Phòng giao dịch Ba N2, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam chi nhánh Khánh Hoà - phòng giao dịch Cam R, Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín chi nhánh Khánh Hoà - phòng giao dịch Cam R cho anh Nguyễn Ngọc D1 là 1.341.751.000 đồng (*Một tỷ ba trăm bốn mươi một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng*).

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Ngọc D1 về việc:

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn T chia cho anh một phần giá trị tài sản nhà, đất và công trình có trên thửa đất số 14, tờ bản đồ số 35, diện tích 187,1 m², tọa lạc tại tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, được Ủy ban nhân dân thành phố Cam R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 572955, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00188, ngày 06/6/2011 cho ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị D là 2.354.494.000 (Hai tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi bốn triệu) đồng.

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn T chia một phần số tiền gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cam R, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam chi nhánh Cam R, Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín - phòng giao dịch Cam R là 1.341.751.000 đồng (*Một tỷ ba trăm bốn mươi một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn*) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11 tháng 07 năm 2022, bị đơn (*có yêu cầu phản tố*) là bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành định giá lại tài sản theo giá Nhà nước; Thu thập tiền ông T gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R từ năm 2012 đến ngày xét xử. Thu thập tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2013 đến ngày xét xử. Thu thập tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2015 đến ngày xét xử; Xác minh, thu thập căn hộ 0904 dãy B mà ông T đang ở tại toà nhà Panorama có phải ông T là chủ sở hữu hay không?; Chia tất cả tài sản chung thành 03 phần, bao gồm: bà D, Ông T, anh D1 mỗi người một phần.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn (*có yêu cầu phản tố*), bà Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu ở trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (*có yêu cầu độc lập*) là anh Nguyễn Ngọc D1 giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự để tạm ngừng phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các người làm chứng bà Phan Thị Bích N1, ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Ngọc T2, bà Trương Thị K, ông Nguyễn Thành M, ông Phạm Văn T6, bà Phan Thị Mỹ N3, ông Nguyễn Bá T4, ông Nguyễn Ngọc C1, bà Nguyễn Thị Thanh T5, anh Lê Mạnh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn (*có yêu cầu phản tố*), bà Nguyễn Thị D: Bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành định giá lại tài sản theo giá Nhà nước; Thu thập tiền ông T gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R từ năm 2012 đến ngày xét xử. Thu thập tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2013 đến ngày xét xử. Thu thập tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2015 đến ngày xét xử; Xác minh, thu thập căn hộ 0904 dãy B mà ông T đang ở tại toà nhà Panorama có phải ông T là chủ sở hữu hay không?; Chia tất cả tài sản chung thành 03 phần, bao gồm: bà D, Ông T, anh D1 mỗi người một phần. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Yêu cầu tiến hành định giá lại tài sản của bà Nguyễn Thị D. Theo quy định tại khoản 5 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 “*Việc định giá lại tài sản được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án dân sự*”. Bà D không đưa ra được chứng cứ chứng minh kết quả định giá không chính xác hoặc không phù hợp giá thị trường. Mặt khác tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định không tranh chấp tài sản nào khác có trên thửa đất ngoài những tài sản mà Hội đồng đã định giá. Vấn đề này đã được cấp sơ thẩm đánh giá, xem xét đúng với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2.2]. Thu thập tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2013 đến ngày xét xử. Thu thập tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R từ năm 2015 đến ngày xét xử. Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R và bản sao chứng từ giao dịch thu thập được tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Cam R ngày 25/5/2021, tại biên bản xác minh ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R và bảng sao kê tài khoản thu thập được tại Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam (MSB) chi nhánh Khánh Hoà - phòng giao dịch Cam R, tại biên bản xác minh ngày 20/6/2022 và bản sao tài khoản các lần giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) Chi

nhánh Khánh Hòa - phòng giao dịch Cam R. Vấn đề này đã được cấp sơ thẩm làm rõ và đánh giá, xem xét đúng với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2.3]. Xác minh, thu thập căn hộ 0904 dãy B mà ông T đang ở tại toà nhà Panorama có phải ông T là chủ sở hữu hay không?. Tại công văn số 002/2022/CV-VNT của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vĩnh N3 cung cấp cho Tòa án: Công ty VNT không ký hợp đồng mua bán căn hộ B09 - 04 hay hợp đồng thuê căn hộ B09 - 04, dãy B, tòa nhà Panorama N3 với ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên theo dữ liệu lưu trú thì thể hiện thông tin ông T đang lưu trú tại căn hộ B09 - 04. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2022, của Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh đối với bà Nguyễn Thị Thanh T5: Bà Thúy là chủ hợp pháp của căn hộ, hiện nay bà đang cho ông T thuê. Vấn đề này đã được cấp sơ thẩm làm rõ và đánh giá, xem xét đúng với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2.4]. Chia tất cả tài sản chung thành 03 phần, bao gồm: bà D, Ông T, anh D1 mỗi người một phần.

[2.4.1]. Nhà và đất: Ông T, bà D đều khẳng định nguồn gốc nhà và đất tranh chấp là của bố mẹ ông T là ông Nguyễn T9, bà Nguyễn Thị G1. Ngày 15 tháng 6 năm 1990, ông Tranh bà G1 cho ông T nhà và đất (*có lập giấy cho nhà và đất không có chính quyền xác nhận*). Ngày 10/6/2010, ông T kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lần đầu đứng tên ông T, bà D đối với thửa đất và được Ủy ban nhân dân thành phố Cam R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA.572955, số vào sổ cấp GCN: CH00188 ngày 06/6/2011 cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định đây là tài sản chung của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D không liên quan gì đến anh Nguyễn Ngọc D1.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R:

- Đơn giá 37.000.000đ/ m². Giá trị của thửa đất là 6.922.700.000đ (*Sáu tỷ chín trăm hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

- Nhà ở cấp 4, có gác lửng nền lát gạch hoa + xi măng, mái tôn, trần nhựa, cửa sắt + gỗ, sảnh trước bê tông cốt thép, điện nước đầy đủ. Diện tích sàn: 66m² sàn (*bao gồm diện tích tầng trệt + diện tích gác lửng x 2/3*). Tỷ lệ còn lại là 65%. Đơn giá 2.231.700đ/m². Giá trị nhà ở là 95.739.930đ (*Chín mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn chín trăm ba mươi đồng*).

- Nhà vệ sinh: Cửa gỗ, nền gạch, mái bê tông, có hầm tự hoại hoàn chỉnh. Diện tích: 4.7m². Tỷ lệ còn lại: 65%. Đơn giá: 2.652.000đ/m². Giá trị: 8.101.860đ (*Tám triệu một trăm linh một nghìn tám trăm sáu mươi đồng*).

- Mái che phía trước: Khung + kèo + Xà gỗ gỗ, mái tôn, nền xi măng. Tỷ lệ còn lại là 60%. Đơn giá 339.000đ/m². Giá trị là 8.929.260đ (*Tám triệu chín trăm hai mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

- Mái che phía sau: Mái tôn, khung trụ, xà gỗ, sắt, nền xi măng. Diện tích xây dựng: 40m². Tỷ lệ còn lại 80%. Đơn giá: 736.000đ. Giá trị: 23.552.000đ (*Hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

- Tường mặt sau: Tường rào xây dựng móng đá chẻ, cao 2,6m, dài 6,32m. Tỷ lệ còn lại: 70%. Đơn giá: 1.008.450đ/m dài. Giá trị: 4.461.383đ (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn ba trăm tám mươi ba đồng*).

Tổng giá trị tài sản là: 6.922.700.000đ + 95.739.930đ + 8.101.860đ + 8.929.260đ + 23.552.000đ + 4.461.383đ = **7.063.484.000đ** (*Bảy tỷ không trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

Ông T yêu cầu giao nhà và đất cho bà D được quyền sở hữu. Theo nguyên tắc thì tài sản chung được chia đôi nhưng có xem xét công sức đóng góp của các bên, tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T yêu cầu chia đôi tài sản nhà và đất nêu trên, không yêu cầu xem xét công sức đóng góp nhiều hơn nên cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Do đó, theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao cho bà D được sở hữu nhà và đất, toàn bộ các công trình trên đất thửa đất số 14, tờ bản đồ số 35, diện tích 187,1m², tọa lạc tại tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R. Bà D phải hoàn lại ½ giá trị cho ông T với tổng số tiền là 3.531.742.000đ. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Ngọc D1 về việc yêu cầu được chia 1/3 nhà và đất nêu trên với giá trị là 2.354.495.000đ.

[2.4.2]. Đối với yêu cầu về các số tiền ông Nguyễn Văn T gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn - chi nhánh Cam R, Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - phòng giao dịch Cam R và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R.

Theo các tài liệu chứng cứ do 03 Ngân hàng nêu trên cung cấp và lời khai của ông T thì đủ cơ sở để xác định ngày 25/9/2012 ông T gửi: 700.000.000đ tại Ngân hàng Agribank đến ngày 25/10/2013, ông T tắt toán toàn bộ tiền gốc, lãi. Sau khi tắt toán được 773.500.000đ, ông T đã thêm vào 26.500.000đ đến gửi 800.000.000đ tại Ngân hàng MSB cùng ngày 25/10/2013. Đến ngày 25/10/2015, ông T tắt toán gốc và lãi tại Ngân hàng MSB được 966.795.000đ và thêm vào 33.205.000đ để gửi 1.000.000.000đ vào Ngân hàng Sacombank. Như vậy, thời gian rút tiền tại Ngân hàng Agribank trùng với thời gian ông T gửi tiền vào tại Ngân hàng MSB (*cùng ngày 25/10/2013*). Thời gian rút tiền tại Ngân hàng MSB ngày 25/10/2015 và thời gian gửi tiền tại Ngân hàng Sacombank ngày 26/10/2015 (*chênh nhau 01 ngày*). Nên số tiền 1.000.000.000đ tại Ngân hàng Sacombank là số tiền gửi ban đầu tại Ngân hàng Agribank, Ngân hàng MSB.

Ngày 11 tháng 02 năm 2019, ông T gửi 800.000.000đ tại Ngân hàng Sacombank, số tiền này phù hợp với số tiền ông T vay ông Nguyễn Bá T4 ngày 31/13/2018, phù hợp với giấy vay tiền và lời khai ông T, ông Tiết.

Như vậy, số tiền còn lại để đánh giá, xem xét phân chia là 1.000.000.000đ, ông T đã tắt toán ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Ngân hàng Sacombank.

Toàn bộ số tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng Agribank và tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng MSB ông T đã gộp vào để hình thành nên số tiền 1.000.000.000đ gửi tại Ngân hàng Sacombank. Tiền lãi phát sinh của số tiền gửi 1.000.000.000đ và 800.000.000đ tại Ngân hàng Sacombank từ ngày 26/10/2015 đến ngày 27/7/2020, ông T cho rằng sau khi được thanh toán, đã chi phí hết cho việc cho

việc làm ăn, sinh hoạt hàng ngày là có cơ sở nên không có căn cứ để chia tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng Sacombank.

Xét thấy:

Số tiền tiết kiệm 1.000.000.000đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R, ông T đã tắt toán ngày 27/7/2020 mặc dù đứng tên một mình ông T nhưng tài sản này có được trong thời kỳ hôn nhân, ông T không có chứng cứ nào để chứng minh số tiền này là tài sản riêng nên đây là tài sản chung của ông T và bà D. Do đó, theo quy định tại Điều 29, 32, 33, 59 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015 thì chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà D. Ông Nguyễn Văn T phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ số tiền gửi 1.000.000.000đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) - phòng giao dịch Cam R cho bà D và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D đối với số tiền còn lại, cụ thể: $(4.000.000.000đ + 1.666.975.000đ) = 5.666.975.000đ - 1.000.000.000đ = 4.666.975.000đ : 2 = 2.333.487.500đ$

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc D1 đối với số tiền gửi tại Ngân hàng Agribank, Ngân hàng MSB, Ngân hàng Sacombank. Ông T không thừa nhận anh D1 góp vốn buôn bán cùng với ông T. Anh D1 và bà D cho rằng anh D1 không góp vốn vào công việc làm ăn buôn bán của ông T vì những người trong cùng gia đình làm đều làm ăn chung, anh D1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào về việc đóng góp làm ăn chung với ông T. Như vậy giữa ông T, bà D và anh D1 không có sự thỏa thuận đóng góp tài sản, công sức và hưởng lợi từ việc buôn bán. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc D1 yêu cầu chia một phần số tiền gốc và lãi tại Ngân hàng Agribank 778.750.000đ (*Tiền gốc: 700.000.000đ, lãi 78.750.000đ*); Ngân hàng MSB 1.039.795.000đ (*Tiền gốc: 900.000.000đ, lãi 139.795.000đ*) và Ngân hàng Sacombank 2.206.710.959đ (*Tiền gốc 1.800.000.000đ, lãi 406.710.959đ*). Tổng cộng: $778.750.000đ + 1.039.795.000đ + 2.206.710.959đ = 4.025.255.959đ : 3 = 1.341.751.000đ$.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp án phí hành dân sự phúc thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Căn cứ vào khoản 20 Điều 3, Điều 32, Điều 33, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26, khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D có một con chung là anh Nguyễn Ngọc D1 đã trưởng thành ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản chung:

[3.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T:

Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền sở hữu thửa đất số 14, tờ bản đồ số 35, diện tích 187,1m², tọa lạc tại tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, được Ủy ban nhân dân thành phố Cam R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 572955, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00188, ngày 06/6/2011 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D. Trên đất có nhà ở cấp 4, có gác lửng, nền lát gạch hoa + xi măng, mái tôn, trần nhựa, cửa sắt + gỗ, sảnh trước bê tông cốt thép và nhà vệ sinh có hầm tự hoại hoàn chỉnh; Mái che phía trước khung + kèo + xà gỗ gỗ, mái tôn, nền xi măng; Mái che phía sau mái tôn, khung trụ, xà gỗ, sắt, nền xi măng; tường phía sau móng đá chẻ. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Bà Nguyễn Thị D phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền **3.531.742.000đ** (Ba tỷ năm trăm ba mươi một triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với thửa đất được giao sở hữu theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T chia số tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín - phòng giao dịch Cam R. Ông Nguyễn Văn T phải hoàn lại cho bà D **379.126.000đ** (Ba trăm bảy mươi chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T chia số tiền gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cam R, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam chi nhánh Cam R, Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín - phòng giao dịch Cam R là **2.333.487.500đ**

[3.3]. Bà D hoàn lại giá trị nhà và đất và công trình có trên đất cho ông T là **3.531.742.000đ** (Ba tỷ năm trăm ba mươi một triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Ông T phải hoàn lại số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín - phòng giao dịch Cam R cho bà D là **379.126.000đ** (Ba trăm bảy mươi chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Sau khi trừ phần chênh lệch, bà D phải hoàn lại cho ông T số tiền là:

3.531.742.000đ - 379.126.000đ = 3.152.616.000đ (Ba tỷ một trăm năm mươi hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

[3.4] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Ngọc D1 về việc:

[3.4.1]. Buộc ông Nguyễn Văn T chia cho anh một phần giá trị tài sản nhà, đất và công trình có trên thửa đất số 14, tờ bản đồ số 35, diện tích 187,1 m², tọa lạc tại tổ dân phố Hương L, phường Ba N2, thành phố Cam R, được Ủy ban nhân dân thành phố Cam R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 572955, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00188, ngày 06/6/2011 cho ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị D là **2.354.495.000đ** (Hai tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi bốn triệu đồng).

[3.4.2]. Buộc ông Nguyễn Văn T chia một phần số tiền gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cam R, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam chi nhánh Cam R, Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín - phòng giao dịch Cam R là **1.341.751.000đ** (Một tỷ ba trăm bốn mươi một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng).

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp án phí hành dân sự phúc thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố Cam Ranh;
- VKSND thành phố Cam Ranh;
- Chi cục THADS thành phố Cam Ranh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Thanh